

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng 5 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung của Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW của Chính phủ đến năm 2030 làm căn cứ để các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, chương trình, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kết luận số 81-KL/TW, Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường và Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và xây dựng, triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án mới đến năm 2030.

4. Đến năm 2030, phấn đấu đạt một số mục tiêu cụ thể sau:

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống

tự nhiên, kinh tế và xã hội; thực hiện các giải pháp thông minh để thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu; chủ động ứng phó, giảm thiệt hại do thiên tai gây ra, trong đó tập trung bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân khi bão, lũ xảy ra; bố trí, ổn định dân cư đảm bảo an toàn tại khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn.

- Kiểm soát mức phát thải khí nhà kính; đạt mức tiết kiệm năng lượng đạt khoảng 6%¹ trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển thông thường. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt 99,74%².

b) Về quản lý tài nguyên

Quy hoạch, quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên, trong đó tập trung: Kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước; nâng cao hiệu quả, năng lực khai thác, sử dụng nước và giảm tối đa thất thoát nước trong hệ thống các công trình thủy lợi; giảm tỷ lệ thất thoát nước trong hoạt động cấp nước; khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước vào mùa khô ở các lưu vực sông, các vùng khó tiếp cận nguồn nước, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục thực hiện khoanh định, quy hoạch, thăm dò, khai thác và chế biến các điểm mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh³. Bảo đảm nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; giữ ổn định 32 nghìn ha đất trồng lúa⁴.

c) Về bảo vệ môi trường

- Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường phấn đấu đạt 100%; 100% đô thị có hệ thống thu gom xử lý nước thải⁵.

- Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn, tiến hành đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý đảm bảo 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định; 90% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định; 100% chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- 100% diện tích các khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng được xử lý, cải tạo và phục hồi; nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư; 95% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt

¹ Kế hoạch số 1423/KH-UBND ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

² Kế hoạch số 1423/KH-UBND ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

³ Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁴ Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁵ Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

hợp vệ sinh⁶ trong đó 30% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn⁷; 100% dân số đô thị được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh trong đó 82% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 55%⁸; duy trì, bảo vệ 02 khu rừng đặc dụng hiện có với tổng diện tích 41.275 ha (Vườn quốc gia Hoàng Liên trên địa bàn huyện Tân Uyên với diện tích 7.500 ha và Khu bảo tồn thiên nhiên huyện Mường Tè với diện tích 33.775 ha)⁹.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, thúc đẩy các hành động có trách nhiệm của toàn xã hội theo hướng chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, quản lý hiệu quả chất thải rắn, giảm thiểu rác thải nhựa hướng đến đạt được mục tiêu phát triển bền vững và trung hòa các-bon. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chú trọng giáo dục sớm cho thế hệ trẻ từ bậc tiểu học về nhận thức, ý thức giữ gìn bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

- Phát huy vai trò trung tâm, chủ thể của doanh nghiệp, người dân trong chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường dựa trên chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng vai trò phản biện, giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Thay đổi tư duy và nhận thức, coi thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” là thách thức, đồng thời cũng là cơ hội để phát triển bền vững, góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập sâu rộng, thực chất.

- Phổ biến, thông tin về các yêu cầu, các thực hành tốt, mô hình tiên tiến về chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường.

⁶ Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIV trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV

⁷ Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050

⁸ Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIV trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

⁹ Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050

2. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cấp về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo hướng hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

- Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý tổng hợp, điều phối các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên lĩnh vực. Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, đẩy mạnh việc áp dụng các công cụ kinh tế, tiếp cận thị trường để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh việc lồng ghép các định hướng về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội các cấp, các ngành.

- Tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật, phòng, chống tội phạm trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nâng cao vai trò phản biện, giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong quá trình thực thi pháp luật; chú trọng giám sát, kiểm soát chặt chẽ các dự án, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

3. Thực hiện chuyển đổi xanh, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng công bằng

- Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng các mô hình kinh tế xanh, đô thị, nông thôn xanh; thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững.

- Tập trung nguồn lực giải quyết các nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm các hệ sinh thái tự nhiên, các thách thức trong thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0”.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án và dự án về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2026 - 2030; tập trung nguồn lực để giải quyết hiệu quả những vấn đề cấp bách về môi trường và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp toàn diện về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch thực hiện kinh tế tuần hoàn của tỉnh gắn với quá trình chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

- Thực hiện hiệu quả chuyển đổi năng lượng công bằng; từng bước hạn chế nhiên liệu hóa thạch, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng mới hướng tới bảo đảm an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, giảm ô nhiễm môi trường.

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, phát thải thấp, tuần hoàn; sản xuất, phân phối và tiêu dùng thực phẩm xanh, an toàn; giảm tình trạng thất thoát và lãng phí lương thực, thực phẩm.

- Xây dựng, hoàn thiện chính sách thúc đẩy huy động nguồn lực tài chính xanh, bao gồm phát triển thị trường tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các công cụ tài chính bền vững khác. Hỗ trợ phát triển các ngành kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Triển khai thực hiện chính sách, quy định mua sắm công xanh, chỉ tiêu công xanh, nhãn sinh thái ở tất cả các cấp.

- Triển khai các giải pháp chuyển đổi số sâu, rộng góp phần thúc đẩy chuyển đổi xanh. Xây dựng, hoàn thiện, vận hành, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Thường xuyên cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, hoàn thiện các phương án, kế hoạch phòng ngừa, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai

a) Về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

- Nâng cao khả năng dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin phục vụ công tác cảnh báo thiên tai.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng phòng, chống thiên tai.

- Điều tra, đánh giá, di dời và tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao gắn với các giải pháp bảo đảm sinh kế bền vững. Chủ động ứng phó với sạt lở đất, lũ quét trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 5213/KH-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật) trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2030 theo Kế hoạch số 4007/KH-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Áp dụng các giải pháp giảm tình trạng ngập lụt đô thị trong bối cảnh biến đổi khí hậu; làm mát đô thị theo hướng thuận thiên, thân thiện với hệ thống khí hậu.

- Huy động và dự trữ nguồn lực để khắc phục, tái thiết cho các khu vực, hộ gia đình bị ảnh hưởng do thiên tai, biến đổi khí hậu. Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc thu và chi Quỹ phòng, chống thiên tai ở các cấp.

b) Về giảm phát thải khí nhà kính

- Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính quốc gia, cấp ngành, lĩnh vực; thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở; cập nhật danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo định kỳ. Khuyến khích các cơ sở phát thải khác, đặc biệt là các cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính.

- Triển khai hiệu quả kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng. Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050 theo Kế hoạch số 1423/KH-UBND ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đặc biệt về phát triển hạ tầng truyền tải điện thông minh, tăng tỷ trọng điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo, triển khai áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến về lưu trữ năng lượng. Thực hiện thành công Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 theo Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2019 - 2030.

- Thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải; kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực giao thông vận tải đến năm 2030.

- Thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực xây dựng. Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050, từng bước thay thế nguyên vật liệu gây phát thải khí nhà kính; từng bước giảm, thay thế sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất.

- Thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành nông nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động bảo vệ, phục hồi và duy trì các bể hấp thụ khí nhà kính tự nhiên. Thực hiện Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng (REDD+); bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030.

- Thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực quản lý chất thải, bao gồm bãi chôn lấp chất thải rắn, xử lý chất thải rắn bằng phương pháp sinh học, thiêu đốt và đốt lộ thiên chất thải, xử lý và xả thải nước thải.

- Thực hiện tốt cam kết giảm phát thải khí mê-tan toàn cầu, cam kết quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn và làm mát bền vững; quản lý hiệu quả các chất và sản phẩm, thiết bị có chứa chất làm suy giảm tầng ô-dôn và chất gây hiệu ứng nhà kính.

- Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện phát triển thị trường các-bon trong nước và các hoạt động thúc đẩy việc phát triển thị trường các-bon; tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của cộng đồng về thị trường các-bon.

5. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý về tài nguyên, đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên

a) Đối với tài nguyên đất

- Điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là đất chưa sử dụng; thực hiện các biện pháp khuyến khích khai hoang, phục hóa.

- Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và lập Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2026-2030.

- Đánh giá tình hình sử dụng đất ở tại các khu dân cư, khu đô thị mới, tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản công khai, minh bạch và hiệu quả.

- Hoàn thành công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông.

b) Đối với tài nguyên nước

- Tổ chức thực hiện các quy hoạch tài nguyên nước; thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển, điều chỉnh nhu cầu sử dụng nước.

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chủ động nguồn nước cấp cho các mục đích sinh hoạt và sản xuất; chủ động kế hoạch sử dụng nước trên các sông xuyên biên giới.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, chuyển đổi số trong điều hoà, phân phối, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

- Áp dụng các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả. Chủ động tích trữ, giữ nước ngọt với quy mô từng vùng, từng lưu vực sông nhằm khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước về mùa khô.

c) Đối với tài nguyên địa chất và khoáng sản

- Triển khai thực hiện trách nhiệm của UBND tỉnh theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản; các chủ trương, định hướng trong điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản theo Quy hoạch khoáng sản của Trung ương, Quy hoạch tỉnh và Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của địa phương, người dân nơi khai thác khoáng sản.

- Nâng cao trách nhiệm của các sở, ngành và chính quyền địa phương trong việc quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; hiệu quả công tác kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản, nhất là khai thác cát, sỏi lòng sông.

- Tăng cường đấu giá quyền khai thác khoáng sản công khai, minh bạch, lựa chọn tổ chức doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại gắn với địa chỉ sử dụng khoáng sản; tạo điều kiện cải tạo, mở rộng,

nâng cấp các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, thu hồi tối đa khoáng sản chính, các khoáng sản đi kèm.

- Đẩy mạnh khai thác, chế biến khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường sinh thái theo mô hình chế biến sâu; thực hiện nghiêm các quy định về sử dụng đất trong hoạt động khoáng sản, cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, xem xét trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân để xảy ra sai phạm trong quản lý, sử dụng khoáng sản và các hoạt động liên quan đến địa chất, khoáng sản, công nghiệp khai khoáng. Thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm trong hoạt động khoáng sản.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội cho công tác thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản theo quy hoạch, kế hoạch để có đầy đủ thông tin, dữ liệu địa chất phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, xã hội.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới đồng bộ công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường cho công tác thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; đầu tư thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô trung bình trở lên, bảo đảm an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trước năm 2030.

- Đẩy nhanh kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên địa chất, khoáng sản nhằm quản lý tập trung, thống nhất; thiết lập nền tảng tài nguyên số, thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, khai thác khoáng sản bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Đưa các dự án khai thác, chế biến khoáng sản có tiềm năng của tỉnh vào hoạt động tương xứng với quy mô khoáng sản, gắn với sử dụng công nghệ, thiết bị khai thác, chế biến tiên tiến, hiện đại.

d) Đối với tài nguyên rừng

- Tiếp tục đẩy mạnh việc trao quyền quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho cộng đồng, hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên; thực hiện việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; đảm bảo đủ các điều kiện để tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

- Xây dựng các mô hình chia sẻ lợi ích công bằng trong quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để thúc đẩy sự tham gia của các cộng đồng địa phương; thúc đẩy cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

6. Tập trung, ưu tiên nguồn lực để giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải

tại các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề. Xây dựng và triển khai các dự án bổ cấp nước, cải tạo, phục hồi các hồ ao, các đoạn sông, kênh, rạch đã bị ô nhiễm nghiêm trọng.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật về phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn. Triển khai thực hiện các hoạt động tái chế, biến chất thải thành nguyên, nhiên liệu, tăng cường thu hồi năng lượng (ưu tiên đối với công nghệ phát điện sinh khối, đồng xử lý chất thải); giảm dần tỷ lệ chôn lấp chất thải.

- Cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, khu vực bị ô nhiễm do hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và chất độc tồn lưu do chiến tranh để lại.

- Khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường.

- Giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa gây ra. Dần thay thế các sản phẩm bao bì nhựa, túi nilông khó phân hủy bằng các vật liệu thân thiện môi trường, dễ phân hủy sinh học. Tổ chức thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý hiệu quả chất thải nhựa nhằm ngăn chặn chất thải nhựa từ đất liền ra biển. Phối hợp điều tra, thống kê chất thải nhựa và vi nhựa phát sinh trên địa bàn tỉnh theo chương trình, đề án, dự án.

- Duy trì và cải thiện chất lượng môi trường không khí tại các khu vực dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh; có biện pháp giảm thiểu, kiểm soát chặt chẽ chất lượng khí thải của các phương tiện giao thông cơ giới; phát triển hệ thống giao thông công cộng, các phương tiện thân thiện môi trường. Tăng cường các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm khí thải, bụi từ hoạt động xây dựng, đốt rơm rạ và phụ phẩm nông nghiệp, các cơ sở công nghiệp phát sinh khí thải lớn; tăng diện tích cây xanh, mặt nước, tăng cường vệ sinh môi trường đô thị. Xây dựng và thực hiện hiệu quả Đề án khắc phục ô nhiễm không khí tại các đô thị.

- Xây dựng, nâng cấp các công trình trữ nước sử dụng cho mùa khô ở một số khu vực còn thiếu nước; đầu tư xây dựng, nâng cấp các nhà máy, hệ thống cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt của Nhân dân.

- Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng, đất ngập nước; bảo vệ chặt chẽ các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, phục hồi các hệ sinh thái, đồng thời có biện pháp quản lý hiệu quả đa dạng sinh học vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên. Triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm bảo vệ các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài di cư. Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp đã được đề ra trong Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 theo Kế hoạch số 3753/KH-UBND ngày 19/9/2024 của UBND tỉnh Hành động về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Phối hợp tổ chức thực hiện Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ

liệu về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đồng bộ với Trung ương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lai Châu và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, chính quyền cấp cơ sở theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thực hiện theo yêu cầu; kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nếu có, đảm bảo kế hoạch được thực hiện đúng tiến độ và có hiệu quả cao.

- Chủ trì trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng kế hoạch, tăng cường công tác chủ động ứng phó, phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan, chính quyền cấp cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước triển khai kế hoạch này theo quy định và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương hàng năm; lồng ghép các nguồn vốn khác để thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch đảm bảo hiệu quả.

- Rà soát và tích hợp yếu tố biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào các quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình xây dựng, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Hàng năm có trách nhiệm hướng dẫn các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố xây dựng đề xuất đặt hàng, tổng hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình của tỉnh đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức của Nhân dân, cộng đồng về biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; mở các chuyên trang, chuyên mục thông tin về biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, về sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Sở Tư pháp

Phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp với các văn bản của cấp trên.

6. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo nội dung Kế hoạch.

7. Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và doanh nghiệp

- Đẩy mạnh hoạt động giám sát, phản biện xã hội đối với các chủ trương, biện pháp, chương trình, đề án về biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tạo điều kiện tốt nhất để Nhân dân phát huy quyền làm chủ, tự giác, tích cực thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Phối hợp thực hiện các hoạt động tuyên truyền chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đến người dân và người lao động.

8. Chính quyền cấp cơ sở

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đến người dân; tập trung xây dựng và nhân rộng các mô hình cộng đồng ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường tại địa phương. Huy động và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn lực địa phương để thực hiện Kế hoạch.

- Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý khoáng sản, tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh

khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung nội dung, đề nghị các đơn vị chủ động đề xuất giải pháp và gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
 - Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và doanh nghiệp tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - VP UBND tỉnh: V, C, CB;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
 - Lưu: VT, Kt7.
- } (báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ

Thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng chương trình tăng cường năng lực phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Chương trình	Chính quyền cấp cơ sở, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội	2025 - 2030
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu xử lý chất thải tập trung cấp cơ sở	Dự án đầu tư	Chính quyền cấp cơ sở	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	2025 -2030
3	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả thải.	Dự án đầu tư	Chính quyền cấp cơ sở	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	2025 -2030
4	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các khu/cụm công nghiệp/làng nghề có phát sinh nước thải thuộc trách nhiệm của Nhà nước	Dự án đầu tư	Chính quyền cấp cơ sở	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công thương	2025 -2030
5	Xây dựng các dự án bổ cập nước, cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương, khôi phục các đoạn sông, kênh, rạch đã bị ô nhiễm nghiêm trọng (nếu có)	Dự án đầu tư	Chính quyền cấp cơ sở	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, các cơ quan liên quan	2025 -2030
6	Cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, khu vực bị ô nhiễm do hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật (nếu có)	Dự án đầu tư	Chính quyền cấp cơ sở, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan liên quan	2025 -2030

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
7	Xây dựng và triển khai Chương trình hạn chế sử dụng nhựa một lần, túi nilong khó phân hủy tại các siêu thị, chợ, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, khu vui chơi, giải trí	Chương trình	Chính quyền cấp cơ sở, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	Các cơ quan liên quan	2025 -2030
8	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh	Chương trình/nhiệm vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan liên quan, chính quyền cấp cơ sở	2025 - 2026

Tổng số: 08 nhiệm vụ